

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 29 - 12- 2020

V/v tranh chấp: “Thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Các Thẩm phán: + Bà Lưu Thị Thu Thủy;

+ Ông Trần Văn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2020/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 92/2020/HNGĐ- ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 550/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng G, Sinh năm 1992; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Trần Văn N, Sinh năm 1986; (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã Hiệp Đức, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn – Trần Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo án sơ thẩm;

- Nguyên đơn – Lê Thị Hồng G trình bày:

Chị và anh Trần Văn N đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 58/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03-4-2018 của Tòa án nhân dân huyện C. Theo nội dung thỏa thuận giữa hai bên thì giao cháu Trần Duy Ng, sinh ngày 23-5-2014 là con chung cho anh Trần Văn N trực

tiếp nuôi dưỡng. chị không cấp dưỡng nuôi con. Sau khi có quyết định ly hôn, chị vẫn là người trực tiếp nuôi con, anh N không rước cháu Ng về nuôi. Anh N có trợ cấp cho cháu Ng được khoảng 05 tháng với số tiền 8.000.000 đồng thì không trợ cấp nữa. Anh N không phải tự nguyện trợ cấp mà phải gọi điện thoại yêu cầu mới gửi tiền.

Nay chị yêu cầu giao cháu Ng lại cho chị là người trực tiếp nuôi thực tế từ trước đến nay chị là người nuôi dưỡng. Đồng thời, chị yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 1.500.000 đồng.

-Bị đơn - anh Trần Văn N trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị G. Nay anh đồng ý giao cháu Ng cho chị G là người trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo mức 1.500.000 đồng như chị G nêu và cũng không đồng ý bất kỳ mức cấp dưỡng nào. Nếu chị G không nuôi con thì giao lại cho anh nuôi.

*Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 92/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng G. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị G và anh Trần Văn N.

- Thay đổi người trực tiếp nuôi con giữa anh Trần Văn N và chị Lê Thị Hồng G. Giao cháu Trần Duy Ng, sinh ngày 23-5-2014 cho chị Lê Thị Hồng G là người trực tiếp nuôi dưỡng từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi và lao động được.

Anh Trần Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Lê Thị Hồng G mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng. Thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi và lao động được.

Anh Trần Văn N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

* Ngày 19/8/2020, bị đơn Trần Văn N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giao con chung là cháu Trần Duy Ng, sinh ngày 23-5-2014 cho anh N nuôi dưỡng và yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án có tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa hôn nay anh Trần Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chị G vắng mặt không lý do.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: -Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về nội dung kháng cáo: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”; thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Anh Trần Văn N kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Duy Ng, sinh ngày 23-5-2014 cho anh N nuôi dưỡng và yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Lý do kháng cáo: Anh N cho rằng bản án số 92/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C là không công bằng với anh N.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi ly hôn chị G và anh N thỏa thuận giao con chung là cháu Trần Duy Ng cho anh N nuôi dưỡng nhưng từ khi ly hôn đến thời điểm hiện tại thì chị G vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng do đó chị G đã làm đơn yêu cầu tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và tại phiên tòa sơ thẩm anh N cũng đồng ý giao cháu Trần Duy Ng cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng nên tòa án nhân dân huyện C công nhận sự thỏa thuận giữa chị G và anh N là có căn cứ. Anh N kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì thể hiện chị G không chăm sóc tốt cho cháu N, mặt khác cháu N đã quen sống với mẹ nên Tòa án giao cháu cho anh N nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến môi trường sống và tâm sinh lý của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh N giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu của anh N không được chấp nhận nên anh N phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn N.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân sơ thẩm số 92/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng G.

- Thay đổi người trực tiếp nuôi con giữa anh Trần Văn N và chị Lê Thị Hồng G. Giao cháu Trần Duy Ng, sinh ngày 23-5-2014 cho chị Lê Thị Hồng G là người trực tiếp nuôi dưỡng từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi và lao động được.

Anh Trần Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Lê Thị Hồng G mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng. Thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi và lao động được.

Anh Trần Văn N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

2/ Về án phí: Anh Trần Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân phúc thẩm; 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, tổng cộng anh N phải nộp 900.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005751 ngày 20/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, Anh N còn phải nộp tiếp 600.000 đồng.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND huyện C;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS h. C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan

THÀNH VIÊN HĐXX

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Tuyên